

Bản án số: 33/2018/HS-ST
Ngày: 29 - 5 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU, TỈNH LAI CHÂU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Bích Nga
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Hoàng Thị Kim Quy

Ông Hồ Thanh Sơn

Thư ký phiên toà: Ông Phan Hồng Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lai Châu tham gia phiên toà:
Bà Phạm Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 5 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 32/2018/TLST-HS ngày 20 tháng 4 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2018/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo.

Nguyễn Văn N (Tên gọi khác: Không); Sinh ngày 05/7/1992 tại tỉnh Y; Nơi ĐKHKTT: Thôn H, xã T, thành phố Y, tỉnh Y; Chỗ ở: Bản N, phường Q, thành phố C, tỉnh C; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Văn K (đã chết) và bà Đỗ Thị T, sinh năm 1968; Vợ, con: Chưa có; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: tại bản án số 32/2013/HSPT của Tòa án nhân dân tỉnh Y áp dụng khoản 1 điều 138, điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 01 năm tù được khấu trừ 06 tháng 14 ngày đã bị tạm giữ, tạm giam nên còn phải chấp hành 05 tháng 16 ngày tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”, thời gian thử thách là một năm kể từ ngày 19/6/2013, đến ngày 20/6/2014 bị cáo chấp hành xong hình phạt, tính đến lần phạm tội này bị cáo đã được xóa án tích; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/01/2018 đến ngày 02/02/2018, sau đó bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Đến ngày 20/4/2018 bị cáo bị tạm giam trong vụ án khác tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu cho đến nay.
Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- ***Bị hại:*** Chị Đỗ Thị L, sinh năm 1983 - Trú tại: Tổ 12, phường Đ, thành phố C, tỉnh C, ***có mặt.***

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:***

Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1968

ĐKNKTT: Thôn H, xã T, thành phố Y, tỉnh Y;

Tạm trú: Bản C, xã S, thành phố C, tỉnh C, *có mặt tại phiên tòa.*

- Những người làm chứng:

+ Anh Giàng A B, sinh năm 1996

ĐKNKTT: Bản T, phường Đ, thành phố C, tỉnh C, *vắng mặt tại phiên tòa.*

+ Chị Lò Thị T, sinh năm 1993

Địa chỉ: Bản N2, xã M, huyện U, tỉnh C, *vắng mặt tại phiên tòa.*

+ Cháu Nguyễn Thị Huyền T, sinh ngày 12 tháng 10 năm 2006

Địa chỉ: Tổ 12, phường Đ, thành phố C, tỉnh C, *có mặt tại phiên tòa.*

Người đại diện cho người làm chứng Nguyễn Thị Huyền T là anh Nguyễn Thanh S, sinh năm 1981, tổ 12 phường Đ, thành phố C, tỉnh C, *có mặt tại phiên tòa.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Ngày 19/01/2018 Nguyễn Văn N điều khiển chiếc xe moto nhãn hiệu Honda Winner màu vàng đen, biển kiểm soát 21B1-698.73 của mẹ đẻ tên Đỗ Thị T đến cơ sở cầm đồ S thuộc tổ 12 phường Đ, thành phố C cầm cố cho chị Đỗ Thị L – chủ hiệu cầm đồ S lấy số tiền 10.000.000 đồng và hẹn đến ngày 19/02/2018 có tiền sẽ đến chuộc lại xe máy.

Khoảng 21 giờ ngày 21/01/2018 Nguyễn Văn N nhờ Giàng A B, sinh năm 1996, hộ khẩu thường trú tại Bản T, phường Đ, thành phố C, tỉnh C chở đi qua quán cầm đồ S thì N quan sát thấy quán mở cửa, điện sáng, không thấy có người, trong nhà có nhiều xe máy lúc đó N bảo B dừng xe lại cho N xuống đi bộ cách quán cầm đồ S khoảng 100m và có rủ B đi ăn đêm cùng nhưng B đi về nhà. N đi vào quán ăn đêm rồi đi bộ vào quán cầm đồ S, đi hết gian phòng khách thì N gặp cháu Nguyễn Thị Huyền T, sinh ngày 12/10/2006 (là con gái của chị L) đang ngồi học ở nhà, N có nói cho N xin lại mũ bảo hiểm sau đó N đi ra không thấy mũ bảo hiểm và phát hiện một chiếc xe moto nhãn hiệu Honda Winner màu vàng đen, biển kiểm soát 21B1-698.73 mà N đã cầm cố từ trước thấy chìa khóa vẫn cắm sẵn ở ổ khóa xe, lúc đó N nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe trên, N dắt lùi chiếc xe moto trên theo hành lang ra khỏi nhà sau đó nổ xe máy đi huyện U, tỉnh C, sau đó N gửi xe ở nhà chị Lò Thị T, sinh năm 1993 tại bản N2, xã M, huyện U, tỉnh C.

Ngày 22/01/2018 chị Đỗ Thị L có đơn trình báo về việc mất chiếc xe moto biển kiểm soát 21B1-698.73. Căn cứ lời khai của chị L ngày 23/01/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Lai Châu ra thông báo truy tìm vật chứng số 15 đến ngày 24/01/2018 Công an huyện U, tỉnh C phát hiện, thu giữ chiếc xe moto

biển kiểm soát 21B1-698.73 tại Bản N2, xã M, huyện U, tỉnh C và yêu cầu N về cơ quan điều tra Công an huyện U, tỉnh C làm rõ.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn N đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trên.

Về các vấn đề khác của vụ án:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai nhận: 01xe moto nhãn hiệu Honda Winner màu vàng đen, biển kiểm soát 21B1-698.73 là của mẹ đẻ bị cáo tên Đỗ Thị T, bị cáo được mẹ bị cáo giao xe moto trên cùng giấy đăng ký xe mang tên bà Đỗ Thị T bản phô to chứng thực cho bị cáo quản lý, sử dụng từ tháng 11/2017 cho đến ngày 19/01/2018 bị cáo đem xe đi cầm cố tại hiệu cầm đồ S lấy số tiền 10.000.000 đồng, hẹn đến ngày 19/02/2018 đến chuộc lại xe;

Bị hại chị Đỗ Thị L có mặt tại phiên tòa trình bày: Ngày 19/01/2018 Nguyễn Văn N điều khiển chiếc xe moto nhãn hiệu Honda Winner màu vàng đen, biển kiểm soát 21B1-698.73 đến cơ sở cầm đồ S thuộc tổ 12 phường Đ, thành phố C cầm cố cho chị Đỗ Thị L – chủ hiệu cầm đồ S lấy số tiền 10.000.000đồng và hẹn đến ngày 19/02/2018 có tiền sẽ đến chuộc lại xe máy. Khi cầm cố chiếc xe trên N nói xe của mẹ đẻ tên Đỗ Thị T, N được mẹ giao cho quản lý, sử dụng và có giấy đăng ký xe bản phô to chứng thực tên Đỗ Thị T, giấy CMND tên Nguyễn Văn N, sổ hộ khẩu gia đình tên chủ hộ Đỗ Thị T. Đến ngày 22/01/2018 chị L phát hiện bị mất cắp chiếc xe moto nhãn hiệu Honda Winner màu vàng đen, biển kiểm soát 21B1-698.73 của chị do chị đang quản lý thực hiện hợp đồng cầm cố, trong thời gian đó gia đình chị không có ai nhận được thông báo của bất cứ người nào về việc sẽ đến chuộc lại chiếc xe đang cầm cố nêu trên. Trong quá trình điều tra, truy tố vào ngày 10/3/2018 bị cáo N đã tự nguyện bồi thường cho chị số tiền 10.000.000đồng cầm cố xe, chị và bị cáo N có thỏa thuận trả chiếc xe moto BKS 21B1-698.73 cho mẹ bị cáo bà Đỗ Thị T là chủ sở hữu hợp pháp; Chị không yêu cầu bị cáo Ngọc bồi thường cho chị các khoản tiền như: tiền lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng cầm cố, tiền quản lý trông giữ xe trong thời gian cầm cố xe, các chi phí khác trong quá trình chị tìm kiếm chiếc xe moto nêu trên bị mất. Chị đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả chiếc xe là tang vật của vụ án cho chủ sở hữu hợp pháp bà Đỗ Thị T; Về trách nhiệm hình sự, chị L đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Lời khai của bị hại phù hợp với lời khai của bị cáo và các tài liệu chứng cứ khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị T có mặt tại phiên tòa trình bày: Chiếc xe moto nhãn hiệu Honda Winner màu vàng đen, biển kiểm soát 21B1-698.73 là của bà, khi mua xe có con trai bà là bị cáo Nguyễn Văn N đi cùng tại hiệu xe máy thuộc tổ 12 phường Đ, thành phố C, tỉnh C vào cuối tháng 9 năm 2017. Bà mua chiếc xe máy trên theo hình thức trả góp, số tiền trả ban đầu 8.000.000 đồng là tiền riêng của bà không liên quan đến tiền của gia đình bà, hàng tháng bà phải trả số tiền 2.000.000 đồng theo hợp đồng trả góp cũng là tiền riêng của bà tự tích góp riêng. Sau khi mua chiếc xe moto trên gia đình bà sử dụng một

thời gian đến tháng 11/2017 bà có giao xe cho con trai bà là bị cáo N quản lý, sử dụng kèm theo giấy đăng ký xe bản phô tô chứng thực. Bà không biết việc N đem xe đi cầm cố tại hiệu cầm đồ S, đến ngày 25/01/2018 bà mới biết đồng thời bà cũng không có ý kiến gì về việc bị cáo N đã cầm cố chiếc xe máy trên cho hiệu cầm đồ S, bà không yêu cầu bị cáo N phải bồi thường thiệt hại cho bà. Bà đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho bà chiếc xe moto nhãn hiệu Honda Winner màu vàng đen, biển kiểm soát 21B1-698.73 đăng ký xe mang tên bà vì chiếc xe trên là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà và cũng là phương tiện đi lại của bà và gia đình. Lời khai của bà phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa và các tài liệu chứng cứ khác.

Người làm chứng cháu Nguyễn Thị Huyền T có mặt tại phiên tòa trình bày: Vào khoảng 21 giờ tối ngày 21/01/2018, Bố mẹ cháu không có ở nhà, cửa nhà cháu mở không đóng, điện thấp sáng chỉ có một mình cháu đang ngồi học bài trong nhà thì thấy có một chú độ khoảng 25 tuổi vào gần bàn học của cháu và nói “cho chú xin chiếc mũ bảo hiểm” và cháu nói “vâng”, vì chú đó đứng gần cháu nên cháu nhìn rõ, chú đã vào nhà cháu tối ngày 21/1/2018 là bị cáo N, ngoài ra cháu không biết gì thêm. Lời khai của người làm chứng Nguyễn Thị Huyền T phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa và các tài liệu chứng cứ khác.

Người làm chứng chị Lò Thị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình điều tra chị T trình bày: Ngày 23/01/2018 bị cáo N điều khiển chiếc xe moto nhãn hiệu Honda Winner BKS 21B1-698.73 đi đến gửi ở nhà chị, khi gửi xe N không nói là xe của ai, vì N là người yêu của cháu gái chị nên chị cho gửi xe nhờ, chị không biết tài sản trên là do bị cáo N đã trộm cắp mà có nên Lò Thị T không đồng phạm với bị cáo N trong vụ án này. Lời khai của chị phù hợp với lời khai của bị cáo và các tài liệu chứng cứ khác.

Người làm chứng anh Giàng A B vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình điều tra anh B trình bày: tối ngày 21/01/2018 N có nhờ B chở N đi bằng xe máy của B từ xã N đến khu vực Bệnh viện y học cổ truyền tỉnh C thuộc tổ 12 phường Đ, thành phố C, tỉnh C. N rủ B ăn đêm nhưng B không ăn và đi xe máy về nhà. Khi B chở bị cáo N đi B không biết mục đích trộm cắp tài sản của bị cáo N và bị cáo N cũng không trao đổi gì với B nên Giàng A B không đồng phạm với bị cáo N trong vụ án này. Lời khai của Giàng A B phù hợp với lời khai của bị cáo và các tài liệu chứng cứ khác.

Tại kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐG ngày 12/02/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự cấp tỉnh của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu kết luận: Chiếc xe moto nhãn hiệu Honda Winner 150cc màu vàng đen, biển kiểm soát 21B1-698.73, số khung 260XGY085427, số máy C26E01119134 xe đã qua sử dụng có giá trị là 38.767.500 đồng (*Ba mươi tám triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm đồng chẵn*). Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo nhất trí với kết luận định giá trên.

Bản cáo trạng số 13/CT-VKSTP ngày 19/04/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn N về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu trong phần tranh luận giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội "Trộm cắp tài sản". Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N từ 20 tháng đến 24 tháng tù, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ trước đó. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án; Áp dụng khoản 5 điều 173 Bộ luật hình sự miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo. Về xử lý vật chứng căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị hội đồng xét xử xem xét trả lại cho bà Đỗ Thị T 01 chiếc xe moto nhãn hiệu Honda số loại Winner màu vàng đen, biển kiểm soát 21B1-698.73, số khung 260XGY085427, số máy C26E01119134 xe đã qua sử dụng và 01 chiếc chìa khóa xe máy dài khoảng 9,3cm, mặt trước và mặt sau phần nhựa cứng đầu chìa khóa có in dòng chữ HONDA, trên chìa khóa phần sắt có chữ P970.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại gì về cáo trạng, kết luận nêu trên.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo sớm trở về gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Lai Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lai Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình chuẩn bị xét xử và xét xử tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Vào khoảng 21 giờ ngày 21/01/2018 tại nhà chị Đỗ Thị L, sinh năm 1983 thuộc tổ 12, phường Đ, thành phố C, tỉnh C, lợi dụng trời tối, sự sơ hở của người bị hại, bị cáo Nguyễn Văn N có hành vi lén lút trộm cắp chiếc xe moto nhãn hiệu Honda Winner màu vàng đen, biển kiểm soát 21B1-698.73, số khung 260XGY085427, số máy C26E01119134 xe đã qua sử dụng của chị Đỗ Thị L. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên

quan, người làm chứng, phù hợp với vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Bị cáo N là người có đủ năng lực pháp luật để chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội mà mình đã gây ra. Bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân, để thỏa mãn nhu cầu tiêu dùng của bản thân nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu, quyền quản lý tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an trên địa bàn thành phố C.

Như vậy có đủ cơ sở để khẳng định: Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Văn N đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lai Châu đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự và quan điểm xử lý trách nhiệm hình sự của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lai Châu tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, trước lần phạm tội này ngày 19/6/2013 tại bản án số 32/2013/HSPT của Tòa án nhân dân tỉnh Y xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 01 năm nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”, thời gian thử thách là một năm kể từ ngày 19/6/2013, đến lần phạm tội này bị cáo đã được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà còn tiếp tục phạm tội.

Về tình tiết nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, tỏ rõ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; trong quá trình điều tra bị cáo tự nguyện khắc phục hậu quả là đã trả cho bị hại chị Đỗ Thị L số tiền cầm cố chiếc xe moto trên 10.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên Hội đồng xét xử cần áp dụng cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Trên cơ sở tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để răn đe, cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân có ích và phòng ngừa chung trong xã hội.

Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo cần khấu trừ thời hạn tạm giữ đối với bị cáo theo quyết định tạm giữ, các quyết định gia hạn tạm giữ, thời hạn tạm giữ kể từ 16 giờ 30 phút ngày 24/01/2018 đến 16 giờ 30 phút ngày 02/02/2018 là 09 ngày (tính theo giờ). Tuy nhiên để đảm bảo có lợi cho bị cáo và phù hợp với

quy định tại Điều 134 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 thì Hội đồng xét xử tính thời hạn tạm giữ của bị cáo được khấu trừ là 10 (Mười) ngày.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng” lẽ ra bị cáo còn bị phạt tiền nhưng xét theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là lao động tự do thu nhập không ổn định, bị cáo không có tài sản có giá trị. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị hại chị Đỗ Thị L, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị T không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về vật chứng của vụ án: Cơ quan Công an đã thu giữ những vật chứng sau: 01 chiếc xe moto nhãn hiệu Honda Winner màu vàng đen, biển kiểm soát 21B1-698.73, số khung 260XGY085427, số máy C26E01119134 xe đã qua sử dụng và 01 chiếc chìa khóa xe máy dài khoảng 9,3cm, mặt trước và mặt sau phần nhựa cứng đầu chìa khóa có in dòng chữ HONDA, trên chìa khóa phần sắt có chữ P970.

Xét thấy những vật chứng trên là tài sản hợp pháp của bà Đỗ Thị T đồng thời tại phiên tòa bị hại không có ý kiến gì về chiếc xe trên và đề nghị Hội đồng xem xét trả lại chiếc xe trên cho chủ sở hữu hợp pháp là bà Đỗ Thị T; bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử trả lại chiếc xe trên cho bà Đỗ Thị T nên cần xem xét trả lại vật chứng của vụ án cho bà Đỗ Thị T theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

[1] Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội "Trộm cắp tài sản".

[2] Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 02 (hai) năm tù, bị cáo được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 24/01/2018 đến ngày 02/02/2018, thời hạn tù bị cáo còn phải chấp hành là 01(một) năm 11(mười một) tháng 20 (hai mươi) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

[3] Về vật chứng của vụ án:

Trả lại cho bà Đỗ Thị T 01 chiếc xe moto nhãn hiệu Honda Winner màu vàng đen, biển kiểm soát 21B1-698.73, số khung 260XGY085427, số máy C26E01119134 xe đã qua sử dụng và 01 chiếc chìa khóa xe máy dài khoảng 9,3cm,

mặt trước và mặt sau phần nhựa cứng đầu chìa khóa có in dòng chữ HONDA, trên chìa khóa phần sắt có chữ P970.

(Tình trạng của vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng vào hồi 15 giờ 00 phút ngày 20/4/2018 giữa Công an thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu).

[4] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- VKSND thành phố Lai Châu;
- Công an thành phố Lai Châu;
- Chi cục THA thành phố Lai Châu;
- Sở tư pháp tỉnh Lai Châu;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bích Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa